

令和 5 年 6 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	湯浅敏晴	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	36.5 t	7.89	3.0 cm	19.0 °C	
放水量	36.4 t	7.86	50.0 cm	19.9 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	293 KWH	3,543 KWH	6.12 t	
日平均使用量	9.5 KWH	114.3 KWH	0.20 t	

項目	一次破碎不燃		二次破碎不燃		破碎不適物		焼却残渣		ビン・缶残渣		小計	
月計	9台	2.92t	24台	42.90t	33台	22.77t	7台	29.22t	1台	2.47t	74台	100.28 t
前月累計	16台	6.00t	58台	102.19t	71台	46.82t	14台	50.55t	3台	8.24t	162台	213.80 t
年度計	25台	8.92t	82台	145.09t	104台	69.59t	21台	79.77t	4台	10.71t	236台	314.08 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)	
月計	t	74台	100.28 t
前月累計	t	162台	213.80 t
年度計	t	236台	314.08 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	12台	251 m ³
前月累計	78台	535 m ³
年度計	90台	785 m ³

項目	日
搬入日数	19
日平均搬入数量	5.28 t

月	ごみ埋立量	搬入台数
4	92.84 t	68台
5	120.96 t	94台
6	100.28 t	74台
7	t	台
8	t	台
9	t	台
10	t	台
11	t	台
12	t	台
1	t	台
2	t	台
3	t	台
計	314.08 t	236台

薬品名	使用量
スケール分散剤	40.00 kg
凝集剤 パック	150.00 kg
凝集助剤 ポリマ	0.80 kg
固形塩素剤	2.00 kg
脱水助剤 104	kg
脱水助剤 94b	kg
アワゼロン	kg
清缶剤	kg
並塩	kg
リン酸	kg
保護マット	枚
汚泥量	m ³
脱水ケーキ量	t
脱水機運転時間	H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1	晴/曇	18 °C	21 °C	5 °C
2	晴/曇	17 °C	21 °C	12 °C
3		°C	°C	°C
4		°C	°C	°C
5	曇	15 °C	17 °C	6 °C
6	曇	18 °C	22 °C	9 °C
7	曇	16 °C	19 °C	12 °C
8	晴	21 °C	25 °C	13 °C
9	曇/雨	18 °C	18 °C	13 °C
10		°C	°C	°C
11		°C	°C	°C
12	晴	19 °C	22 °C	13 °C
13	曇/雨	16 °C	19 °C	14 °C
14	晴	20 °C	23 °C	13 °C
15	晴	19 °C	22 °C	14 °C
16	晴	20 °C	26 °C	15 °C
17		°C	°C	°C
18		°C	°C	°C
19	晴	17 °C	20 °C	12 °C
20	晴	19 °C	25 °C	10 °C
21	晴	24 °C	28 °C	11 °C
22	晴/曇	20 °C	25 °C	12 °C
23	晴/曇	23 °C	26 °C	14 °C
24		°C	°C	°C
25		°C	°C	°C
26	晴	19 °C	25 °C	12 °C
27	晴/曇	21 °C	27 °C	16 °C
28	曇/晴	20 °C	25 °C	18 °C
29	晴	24 °C	29 °C	19 °C
30	曇	21 °C	26 °C	19 °C